

# DO BENZIC®

- Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc.
- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
- Đề xa tầm tay trẻ em.
- Tờ hướng dẫn sử dụng nêu tóm tắt các thông tin quan trọng của thuốc. Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sỹ hoặc dược sỹ.

**THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC:** Mỗi viên nang cứng chứa:

**Thành phần được chất:** Dibencozid 3 mg.

**Thành phần tá dược:** Lactose, Magnesi stearat, Colloidal silicon dioxide.

**DẠNG BẢO CHẾ:** Viên nang cứng.

**Mô tả đặc điểm bên ngoài của thuốc:** Viên nang cứng số 4, màu tím - ngà.

## CHỈ ĐỊNH:

Chỉ định khi cần kích thích tổng hợp protein ở trẻ em, người lớn và người cao tuổi, bao gồm:

- Trẻ chậm lớn.
- Trẻ chậm phát triển.
- Chứng chán ăn và suy dinh dưỡng.
- Phục hồi sau các bệnh nhiễm khuẩn.
- Giảm trương lực cơ lành tính tiến triển chậm.

## LIỀU DÙNG, CÁCH DÙNG:

### Liều dùng:

**Luôn dùng thuốc đúng liều lượng trong đơn thuốc.**

- Người lớn và người cao tuổi: 1 viên/lần x 3 lần/ngày.
- Trẻ em: 1 viên/lần x 2 lần/ngày. Có thể tách vỏ nang lấy bột thuốc bên trong trộn lẫn với sữa hoặc thức ăn.

**Cách dùng:** Dùng uống.

Trường hợp cần uống một liều dùng: Hãy uống ngay khi nhớ ra. Nếu thời gian gần với lần dùng thuốc tiếp theo, bỏ qua liều đã quên và hãy dùng liều tiếp theo vào thời gian thường lệ. Không dùng liều gấp đôi để bù vào liều đã quên.

Trường hợp uống quá nhiều viên thuốc: Hãy gặp ngay bác sỹ hoặc tới khoa Hồi sức - Cấp cứu của bệnh viện gần nhất.

## CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

- Tiền sử dị ứng với cobalamin (vitamin B<sub>12</sub>) và các chất tương tự.
- U ác tính: Do kích thích sự tăng trưởng của mô theo cấp số nhân ở tế bào bại vitamin B<sub>12</sub>, nên lưu ý nguy cơ phát triển ở ác.

## CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC:

- Không dùng cho người có cơ địa dị ứng (hen suyễn, eczema...).
- Bệnh nhân có vấn đề về đường nạp galactose, bệnh nhân thiếu hụt enzym Lapp lactase hoặc kém hấp thu glucose - galactose không nên dùng thuốc này.

## Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

- **Thời kỳ mang thai:** Thuốc sử dụng được cho phụ nữ có thai.
- **Thời kỳ cho con bú:** Thuốc sử dụng được cho phụ nữ cho con bú.

**Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.**  
Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.

## TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỬA THUỐC:

### Tương tác của thuốc:

- Hấp thu vitamin B<sub>12</sub> từ đường tiêu hóa có thể bị giảm khi dùng cùng neomycin, acid aminosalicylic, các thuốc kháng thể histamin H<sub>2</sub> và colchicin.
- Nồng độ trong huyết thanh có thể bị giảm khi dùng đồng thời với thuốc tránh thai đường uống.
- Cloramphenicol dùng ngoài đường tiêu hóa có thể làm giảm tác dụng của vitamin B<sub>12</sub> trong bệnh thiếu máu.
- Tác dụng điều trị của vitamin B<sub>12</sub> có thể bị giảm khi dùng đồng thời với omeprazol. Omeprazol làm giảm acid dịch vị nên làm giảm hấp thu vitamin B<sub>12</sub>.

## Tương kỵ của thuốc:

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc dùng đường uống, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

## TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC:

### Bảng tóm tắt các phản ứng không mong muốn:

| Tần suất (*) | Các phản ứng không mong muốn                                                                                                              |
|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hiếm gặp     | Phản ứng phản vệ, sốt, đau đầu, hoa mắt, co thắt phế quản, phù mạch miệng - hầu, phản ứng dạng trứng cá, mày đay, ban đỏ, ngứa, buồn nôn. |

(\*) Tần suất tác dụng không mong muốn được định nghĩa như sau: Rất thường gặp (ADR  $\geq 1/10$ ), thường gặp (1/100  $\leq$  ADR  $< 1/10$ ), ít gặp (1/1000  $\leq$  ADR  $< 1/100$ ), hiếm gặp (1/10000  $\leq$  ADR  $< 1/1000$ ), rất hiếm gặp (ADR  $< 1/10000$ ), không rõ (không được ước tính từ dữ liệu có sẵn).

## QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:

### Triệu chứng và biểu hiện khi sử dụng thuốc quá liều:

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc quá liều, không dùng quá liều chỉ định của thuốc.

### Cách xử trí khi dùng thuốc quá liều:

Tích cực theo dõi để có biện pháp xử trí kịp thời.

## ĐẶC TÍNH ĐƯỢC LỰC HỌC:

**Nhóm được lý:** Vitamin B<sub>12</sub> (cyanocobalamin và chất tương tự).

**Mã ATC:** B03BA04.

- Dibencozid (cobamamid) là dẫn chất của vitamin B<sub>12</sub>. Sự thiếu hụt vitamin B<sub>12</sub> có thể xảy ra đối với những người ăn chay nghiêm ngặt, chế độ ăn uống không đầy đủ; những bệnh nhân kém hấp thu hoặc rối loạn chuyển hóa, thiếu máu nguyên hồng cầu to do nitơ oxid, sau phẫu thuật hoặc cắt bỏ ruột. Thiếu hụt vitamin B<sub>12</sub> dẫn đến sự thiếu máu nguyên hồng cầu to, gây hủy myelin sợi thần kinh và tổn thương thần kinh khác. Thiếu máu ác tính tiến triển ở những bệnh nhân thiếu các yếu tố nội tại cần thiết cho sự hấp thu vitamin từ thực phẩm.

- Dibencozid kích thích sự tổng hợp protein và gắn kết các acid amin trong phân tử protein. Chất này kích thích sự tăng trưởng, tăng cường dinh dưỡng cho cơ, kích thích sự thèm ăn và tăng trọng. Hoạt chất không thuộc nhóm nội tiết tố do đó không có những tác dụng phụ như các chất thuộc nhóm steroid.

## ĐẶC TÍNH ĐƯỢC ĐỘNG HỌC:

- Vitamin B<sub>12</sub> gắn với yếu tố nội tại (một glycoprotein do tế bào thành dạ dày tiết ra), sau đó được hấp thu chủ động ở đường tiêu hóa. Hấp thu giảm ở những người thiếu yếu tố nội tại, hội chứng kém hấp thu, bị bệnh hoặc bất thường ở ruột hoặc sau cắt dạ dày. Vitamin B<sub>12</sub> cũng được hấp thu thụ động qua khuếch tán; một lượng nhỏ vitamin B<sub>12</sub> có trong thực phẩm được hấp thu theo cách này; quá trình này quan trọng khi điều trị với hàm lượng lớn.

- Vitamin B<sub>12</sub> gắn kết mạnh với protein huyết tương transcobalamin II để được vận chuyển nhanh chóng tới các mô. Vitamin B<sub>12</sub> được lưu trữ ở gan, bài tiết trong mật và có chu kỳ gan - ruột, một phần được bài tiết trong nước tiểu, nhiều nhất trong 8 giờ đầu. Vitamin B<sub>12</sub> qua được nhau thai và phân phối vào sữa mẹ.

## QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:

Hộp 3 vỉ x 10 viên.

## ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN:

Bảo quản ở: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Bảo quản trong bao bì gốc của thuốc.

**HẠN DÙNG:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất. Không dùng thuốc quá hạn sử dụng đã ghi trên nhãn.

## TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: TCCS.

## CƠ SỞ SẢN XUẤT:



DOMESCO

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

Địa chỉ: Số 346 đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp  
Điện thoại: 1800.969.660